

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**  
**Khóa thi: ngày 27/8/2022**

(theo quyết định số: 29 /QĐ/TTNNTH, ngày 30 tháng 8 năm 2022)

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc  | Lý thuyết | Thực hành | Đánh giá |
|----|----------|----------------------|------------|------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|
| 1  | 22CB3132 | ARất Thị Anuy        | 14/11/1990 | Quảng Nam  | Nữ        | Cơ Tu    | 5.0       | 8.0       | Đạt      |
| 2  | 22CB3133 | Nguyễn Văn Bé        | 01/05/1970 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 6.0       | 6.5       | Đạt      |
| 3  | 22CB3134 | Trần Hồng Công       | 02/12/1990 | Hà Tĩnh    | Nam       | Kinh     | 6.3       | 9.0       | Đạt      |
| 4  | 22CB3135 | Phan Thanh Dũng      | 05/09/1978 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 5.0       | 5.5       | Đạt      |
| 5  | 22CB3136 | Nguyễn Thị Duyên     | 14/06/1983 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.3       | 8.0       | Đạt      |
| 6  | 22CB3137 | Hồ Thị Gái           | 01/02/1999 | Quảng Nam  | Nữ        | Xơ đăng  | 5.0       | 8.5       | Đạt      |
| 7  | 22CB3138 | Trương Thị Ngọc Hạnh | 29/01/1982 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 8.7       | 6.5       | Đạt      |
| 8  | 22CB3139 | Lê Việt Hạnh         | 01/04/2000 | Quảng Nam  | Nam       | Cadong   | 6.0       | 6.0       | Đạt      |
| 9  | 22CB3140 | Hiên Hiệp            | 01/01/1977 | Quảng Nam  | Nữ        | Tà riêng | 5.3       | 6.0       | Đạt      |
| 10 | 22CB3141 | Z Râm Hóa            | 16/06/1976 | Quảng Nam  | Nữ        | Tà riêng | 5.7       | 7.5       | Đạt      |
| 11 | 22CB3142 | Lê Thị Hợi           | 02/01/1984 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 6.0       | Đạt      |
| 12 | 22CB3166 | Võ Thị Thúy Hồng     | 06/05/1986 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 5.0       | Đạt      |
| 13 | 22CB3143 | Trương Đức Khánh     | 02/02/1979 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 5.0       | 7.0       | Đạt      |
| 14 | 22CB3144 | Trần Thị Lài         | 01/06/1989 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 6.5       | Đạt      |
| 15 | 22CB3145 | Phan Thị Kim Liên    | 26/02/1988 | Quảng Bình | Nữ        | Kinh     | 7.0       | 8.5       | Đạt      |
| 16 | 22CB3146 | Phan Thị Quỳnh Loan  | 18/10/1982 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 6.3       | 8.5       | Đạt      |
| 17 | 22CB3147 | Hồ Thị Loan          | 01/07/1999 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 18 | 22CB3167 | Nguyễn Thành Luân    | 04/01/1989 | Thanh Hóa  | Nam       | Kinh     | 8.0       | 6.5       | Đạt      |
| 19 | 22CB3148 | Mai Thị Nga          | 05/03/1986 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 7.0       | Đạt      |
| 20 | 22CB3149 | Trương Thị Thùy Nhi  | 25/05/1995 | Đà Nẵng    | Nữ        | Kinh     | 8.0       | 9.5       | Đạt      |
| 21 | 22CB3150 | Võ Thị Bảo Nhi       | 01/08/2000 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 22 | 22CB3151 | Brứu Nhi             | 20/10/1991 | Quảng Nam  | Nam       | Cơ Tu    | 6.7       | 7.5       | Đạt      |
| 23 | 22CB3152 | Nguyễn Phương Phong  | 17/06/1995 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 24 | 22CB3153 | Đỗ Văn Quân          | 27/07/1996 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 5.0       | 6.5       | Đạt      |
| 25 | 22CB3168 | Nguyễn Tấn Ri        | 12/06/1987 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 6.3       | 7.5       | Đạt      |
| 26 | 22CB3154 | Huỳnh Phi Sơn        | 12/02/1993 | Quảng Nam  | Nam       | Kinh     | 6.0       | 9.5       | Đạt      |
| 27 | 22CB3155 | BRao Thị Thành       | 13/02/2000 | Quảng Nam  | Nữ        | Cơ Tu    | 7.3       | 8.0       | Đạt      |
| 28 | 22CB3156 | Nguyễn Thị Ngọc Thảo | 01/05/1977 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh     | 7.7       | 9.5       | Đạt      |

| TT | SBD      | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Lý thuyết | Thực hành | Đánh giá |
|----|----------|----------------------|------------|-----------|-----------|---------|-----------|-----------|----------|
| 29 | 22CB3157 | Nguyễn Thị Ngọc Thơ  | 23/04/1985 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 5.0       | 7.5       | Đạt      |
| 30 | 22CB3158 | Ngô Văn Thủ          | 20/08/1986 | Quảng Nam | Nam       | Kinh    | 8.3       | 8.0       | Đạt      |
| 31 | 22CB3159 | Võ Thị Thanh Thúy    | 04/12/1987 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 6.0       | 8.5       | Đạt      |
| 32 | 22CB3160 | Alăng Tiu            | 05/05/1991 | Quảng Nam | Nữ        | Cơ Tu   | 5.0       | 8.5       | Đạt      |
| 33 | 22CB3161 | Alăng Tơng           | 05/04/1988 | Quảng Nam | Nam       | Cơ Tu   | 5.0       | 6.5       | Đạt      |
| 34 | 22CB3162 | Nguyễn Thị Thu Trang | 22/06/1981 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 7.0       | 6.0       | Đạt      |
| 35 | 22CB3163 | Trương Thị Hồng Vân  | 20/03/1983 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 5.7       | 8.0       | Đạt      |
| 36 | 22CB3164 | BH Nướch Thị Vim     | 19/05/1985 | Quảng Nam | Nữ        | Cơ Tu   | 5.0       | 5.0       | Đạt      |
| 37 | 22CB3165 | Nguyễn Thị Tường Vy  | 14/04/1986 | Quảng Nam | Nữ        | Kinh    | 6.3       | 8.5       | Đạt      |

Danh sách này có:37(thí sinh)